



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

C12/21 QL1A, TânKiên, BìnhChánh, Tp.HCM.

Tel: 848 - 37560110 – 37561191 Fax: 848 – 38770278

Email: phanbon@binhdien.com

Website: www.binhdien.com

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

TpHồ Chí Minh, Tháng 04 – 2016

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2016	01 - 02
2. Kết quả hoạt động kinh doanh Quý 1 năm 2016	03
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đến cuối Quý 1 năm 2016	04
4. Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 1 năm 2016	05 – 28



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối Quý 1/2016	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.813.750.709.653	1.955.096.885.688
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	133.403.635.872	313.058.830.965
111	1. Tiền		133.403.635.872	313.058.830.965
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		340.721.162.123	301.930.558.954
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	252.445.972.784	225.311.358.800
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	36.516.907.569	25.511.540.527
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	54.129.057.676	53.478.435.533
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(2.370.775.906)	(2.370.775.906)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	1.270.416.309.714	1.226.690.169.146
141	1. Hàng tồn kho		1.270.416.309.714	1.226.690.169.146
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		69.209.601.944	113.417.326.623
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		68.202.468.368	113.133.658.425
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.007.133.576	283.668.198
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		508.212.328.763	496.082.163.175
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.032.315.546	4.032.315.546
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5b	4.032.315.546	4.032.315.546
220	II. Tài sản cố định		325.435.333.692	328.392.602.992
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	96.113.756.421	98.114.709.721
222	- Nguyên giá		212.389.531.244	209.317.949.544
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(116.275.774.823)	(111.203.239.823)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.9	28.026.090.761	28.982.406.761
225	- Nguyên giá		37.817.079.422	37.817.079.422
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.790.988.661)	(8.834.672.661)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	201.295.486.510	201.295.486.510
228	- Nguyên giá		201.804.934.308	201.804.934.308
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(509.447.798)	(509.447.798)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		54.710.662.725	39.607.264.078
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	54.710.662.725	39.607.264.078
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2	124.034.016.800	124.034.016.800
251	1. Đầu tư vào công ty con		115.937.211.500	115.937.211.500
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.661.918.871	11.661.918.871
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.565.113.571)	(3.565.113.571)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		-	15.963.759
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	15.963.759
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.321.963.038.416	2.451.179.048.863

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối Quý 1/2016	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.496.328.995.015	1.638.818.913.062
310	I. Nợ ngắn hạn		1.483.775.216.704	1.626.265.134.751
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	243.386.181.014	128.966.500.657
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	1.108.123.648	290.928.548
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	115.033.007.829	123.026.056.785
314	4. Phải trả người lao động	V.15	8.898.747.370	15.016.107.826
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	8.982.937.146	54.537.978.733
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.17	10.880.581.518	10.501.629.649
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18a	1.094.780.446.977	1.293.614.095.100
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	705.191.202	311.837.453
330	II. Nợ dài hạn		12.553.778.311	12.553.778.311
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.18b	12.553.778.311	12.553.778.311
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		825.634.043.401	812.360.135.801
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.20	825.634.043.401	812.360.135.801
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		476.400.000.000	476.400.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		476.400.000.000	476.400.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.746.801.918	6.746.801.918
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		82.306.561.790	82.306.561.790
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		27.342.989.573	27.342.989.573
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		232.837.690.120	219.563.782.520
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		208.563.782.520	17.659.373.371
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		24.273.907.600	201.904.409.149
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.321.963.038.416	2.451.179.048.863

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tổng Giám Đốc



LÊ QUỐC PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 năm 2016

ĐVT: VNĐ

Mã Số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1a	580.514.671.525	831.759.508.012	580.514.671.525	831.759.508.012
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	1.757.000.000	4.949.797.000	1.757.000.000	4.949.797.000
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.3	578.757.671.525	826.809.711.012	578.757.671.525	826.809.711.012
11	4. Giá vốn hàng bán		502.592.033.701	736.270.525.579	502.592.033.701	736.270.525.579
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.4	76.165.637.824	90.539.185.433	76.165.637.824	90.539.185.433
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.5	562.231.498	10.803.445.113	562.231.498	10.803.445.113
22	7. Chi phí tài chính		12.522.456.907	14.676.610.777	12.522.456.907	14.676.610.777
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		12.240.531.752	13.387.934.822	12.240.531.752	13.387.934.822
25	8. Chi phí bán hàng	VI.6	24.515.770.813	37.110.722.581	24.515.770.813	37.110.722.581
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	11.195.609.007	9.347.450.976	11.195.609.007	9.347.450.976
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		28.494.032.595	40.207.846.212	28.494.032.595	40.207.846.212
31	11. Thu nhập khác	VI.8	1.851.035.764	1.146.504.744	1.851.035.764	1.146.504.744
32	12. Chi phí khác	VI.9	2.683.859	6.399.466	2.683.859	6.399.466
40	13. Lợi nhuận khác		1.848.351.905	1.140.105.278	1.848.351.905	1.140.105.278
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		30.342.384.500	41.347.951.490	30.342.384.500	41.347.951.490
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		6.068.476.900	6.712.619.824	6.068.476.900	6.712.619.824
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		24.273.907.600	34.635.331.666	24.273.907.600	34.635.331.666

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TÂN SƠN



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/03/2016	31/03/2015
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		30.342.384.500	41.347.951.490
	2. Điều chỉnh các khoản		18.269.382.752	18.787.934.822
02	- Khấu hao tài sản cố định và BDS đầu tư		6.028.851.000	5.400.000.000
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		-	-
06	- Chi phí lãi vay		12.240.531.752	13.387.934.822
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		48.611.767.252	60.135.886.312
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		5.417.121.510	(319.311.313.090)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(43.726.140.568)	17.668.268.624
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		63.974.522.187	109.238.402.265
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		15.963.759	15.963.760
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(12.240.531.752)	(13.387.934.822)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(14.092.622.760)	(16.841.890.694)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	74.741.366
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(10.606.646.251)	(2.571.035.394)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		37.353.433.377	(164.978.911.673)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(18.174.980.347)	(398.955.636)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	204.160.633
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(18.174.980.347)	(194.795.003)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		492.571.942.920	556.643.532.723
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(689.791.823.721)	(564.323.834.459)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(1.613.767.322)	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(198.833.648.123)	(7.680.301.736)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(179.655.195.093)	(172.854.008.412)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		313.058.830.965	310.247.139.076
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	133.403.635.872	137.393.130.664

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2016

Tổng Giám Đốc



LÊ QUỐC PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm 2016.

6. Cấu trúc Công ty*Các Công ty con*

Stt	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	- Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Khu Công nghiệp Long Định-Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, Việt Nam	Thể thao, quảng cáo	100%	100%	100%
2.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng	Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%
3.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong	Khu công nghiệp Việt Hóa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%
4.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị	Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%
5.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình	Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Phân bón Bình Điền Long An	Khu Công nghiệp Long Định, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

8. Nhân viên

Tại ngày 31/03/2016 Công ty có 584 nhân viên đang làm việc.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính. Số năm khấu hao ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 -30
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính. Số năm khấu hao ước tính của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản thuê</u>	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
Máy móc và thiết bị	07 – 10
Phương tiện vận tải	07

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất của công ty là quyền sử dụng lâu dài không khấu tính hao.

Chương trình phần mềm

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán của công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 07 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại.

16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỉ giá hối đoái đánh giá cuối kỳ.

18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi

vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 được xác định theo tỷ giá mua bán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.396.416.457	1.733.883.189
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	132.007.219.415	311.324.947.776
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>133.403.635.872</u>	<u>313.058.830.965</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty là các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào công ty con và các đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	115.937.211.500	115.937.211.500	-	115.937.211.500	115.937.211.500	-
- Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An ⁽¹⁾	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng ⁽²⁾	27.138.986.173	27.138.986.173	-	27.138.986.173	27.138.986.173	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong ⁽³⁾	16.147.753.280	16.147.753.280	-	16.147.753.280	16.147.753.280	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị ⁽⁴⁾	16.650.472.047	16.650.472.047	-	16.650.472.047	16.650.472.047	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình ⁽⁵⁾	51.000.000.000	51.000.000.000	-	51.000.000.000	51.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.661.918.871	8.096.805.300	(3.565.113.571)	11.661.918.871	8.096.805.300	(3.565.113.571)
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đồng Hà ⁽⁶⁾	11.661.918.871	8.096.805.300	(3.565.113.571)	11.661.918.871	8.096.805.300	(3.565.113.571)
Cộng	127.599.130.371	124.034.016.800	(3.565.113.571)	127.599.130.371	124.034.016.800	(3.565.113.571)

- (1) Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Long Định - Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, với tỷ lệ góp vốn 100,00% vốn điều lệ. Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101383456 lần đầu ngày 17/06/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp với vốn điều lệ 5.000.000.000 đồng.
- (2) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng, có trụ sở chính đặt tại Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, với tỷ lệ góp vốn là 51,00% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5800606078 cấp lần đầu ngày 02/01/2009, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 13/05/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp với số vốn điều lệ 49.183.200.000 đồng. Tại ngày 31/12/2015 Công ty đã góp đủ vốn vào Công ty con.
- (3) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong có trụ sở chính đặt tại Khu công nghiệp Việt Hóa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, với tỷ lệ góp vốn là 51,00% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5003000350 cấp lần đầu ngày 03/6/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 1 vào ngày 16/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp với vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2015 Công ty đã góp đủ vốn vào Công ty con.
- (4) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị, có trụ sở chính đặt tại Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị, với tỷ lệ góp vốn là 51,00% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3003000160 cấp lần đầu ngày 31/10/2007, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 28/09/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp với vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2015 Công ty đã góp đủ vốn vào Công ty con.
- (5) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình, có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, với tỷ lệ góp vốn 51,00% vốn điều

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

lệ. Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2700664419 lần đầu ngày 11/01/2013, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 21/10/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình với vốn điều lệ 100.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2015 Công ty đã góp đủ vốn vào Công ty.

- (6) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà tương ứng 1.164.564 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Dự phòng cho khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(3.565.113.571)	(3.353.169.995)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(211.943.576)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	(3.565.113.571)	(3.565.113.571)

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	Q1_2016	Q1_2015
- Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An		
Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An cung cấp dịch vụ quảng cáo và quảng bá thương hiệu cho Công ty mẹ	2.200.000.000	3.700.000.000
- Công ty Cổ phần Bình Điền – Lâm Đồng		
Công ty Mẹ ghi nhận cổ tức được chia	-	10.836.043.200
- Công ty Cổ phần Bình Điền – MeKong		
Công ty Mẹ bán hàng, gia công	6.535.520.000	10.322.450.000
- Công ty Cổ phần Cổ phần Bình Điền – Quảng Trị		
Công ty Mẹ bán hàng, gia công	27.490.000	23.793.245.150
- Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình		
Công ty Mẹ bán hàng, gia công	4.418.080.000	-
Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình gia công cho Công ty Mẹ, thuê kho	-	1.667.166.402

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	50.644.269.765	61.965.735.225
Công ty Cổ phần Bình Điền MeKong	46.554.321.465	44.920.995.465
Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị	30.239.000	59.991.760
Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình	4.059.709.300	16.984.748.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
Phải thu các khách hàng khác	201.801.703.019		163.345.623.575	
Công ty TNHH Yetak – Cambodia	49.251.696.925		71.131.496.858	
Công ty TNHH TMDV Phan bốn Tuần Vũ	13.789.276.200		11.395.377.700	
Công ty TNHH TM Thịnh Thành Đắc Lắc	17.553.737.778		9.961.230.000	
Công ty TNHH TMDV Kim Ngoan	18.648.605.000		19.124.117.000	
Các khách hàng khác	102.558.387.116		51.733.402.017	
Cộng	252.445.972.784		225.311.358.800	
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
Trả trước cho các bên liên quan	3.465.000.000		-	
Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	3.465.000.000		-	
Trả trước cho người bán khác	33.051.907.569		25.511.540.527	
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thái Sơn	-		15.203.893.494	
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	3.410.690.000		7.050.720.000	
Công ty cổ phần Hữu Cơ	19.909.962.000		-	
Các đối tượng khác	9.731.255.569		3.256.927.033	
Cộng	36.516.907.569		25.511.540.527	
5. Phải thu khác ngắn hạn/dài hạn khác				
5.a Phải thu khác ngắn hạn				
	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	38.884.308.602	-	41.077.210.362	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền MeKong	13.162.528.578	-	15.235.430.338	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị	5.927.755.533	-	5.927.755.533	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng	16.056.521.946	-	16.056.521.946	-
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	3.737.502.545	-	3.737.502.545	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	15.244.749.074	-	12.401.225.171	-
- Tạm ứng của nhân viên công ty	7.572.941.177	-	6.919.230.785	-
- Các khoản phải thu khác	7.671.807.897	-	5.481.994.386	-
Cộng	54.129.057.676	-	53.478.435.533	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5.b Phải thu khác dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Ký quỹ, ký cược	4.032.315.546	-	4.032.315.546	-
- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu	2.773.454.546	-	2.773.454.546	-
- Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	1.258.861.000	-	1.258.861.000	-
Cộng	4.032.315.546	-	4.032.315.546	-

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	(2.370.775.906)	(1.511.123.385)
Trích lập dự phòng bổ sung		(2.486.421.225)
Hoàn nhập dự phòng		1.626.768.704
Số cuối kỳ	(2.370.775.906)	(2.370.775.906)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(2.370.775.906)	-	(2.370.775.906)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-
Số cuối kỳ	(2.370.775.906)	-	(2.370.775.906)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.037.374.337.355	-	1.062.927.166.984	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	27.555.448.361	-	20.908.062.336	-
Thành phẩm	202.165.262.594	-	139.533.678.422	-
Hàng hóa	3.321.261.404	-	3.321.261.404	-
Cộng	1.270.416.309.714	-	1.226.690.169.146	-

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	108.072.512.027	74.117.290.813	24.825.187.160	2.302.959.544	209.317.949.544
Mua trong năm	68.200.000	1.604.900.000	1.361.786.700	36.695.000	3.071.581.700
Thanh lý, nhượng bán					
Số cuối năm	108.140.712.027	75.722.190.813	26.186.973.860	2.339.654.544	212.389.531.244

Trong đó:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	565.091.818	2.605.618.836	2.808.057.466	635.631.818	6.614.399.938
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	48.731.173.387	45.415.605.623	15.820.196.769	1.236.264.044	111.203.239.823
Khấu hao trong năm	2.035.055.826	2.171.557.948	782.625.799	83.295.427	5.072.535.000
Thanh lý, nhượng bán					
Số cuối năm	50.766.229.213	47.587.163.571	16.602.822.568	1.319.559.471	116.275.774.823
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	59.341.338.640	28.701.685.189	9.004.990.391	1.066.695.500	98.114.709.721
Số cuối năm	57.374.482.814	28.135.027.242	9.584.151.292	1.020.095.073	96.113.756.421

9. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	36.800.653.967	1.016.425.455	37.817.079.422
Thuê tài chính trong năm			
Số cuối năm	36.800.653.967	1.016.425.455	37.817.079.422
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	8.664.804.294	169.868.367	8.834.672.661
Khấu hao trong năm	937.928.467	18.387.533	956.316.000
Số cuối năm	9.602.732.761	188.255.900	9.790.988.661
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	28.135.849.673	846.557.088	28.982.406.761
Số cuối năm	27.197.921.206	828.169.555	28.026.090.761

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	201.311.157.308	493.777.000	201.804.934.308
Mua trong năm	-	-	-
Số cuối năm	201.311.157.308	493.777.000	201.804.934.308
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	65.000.000	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	222.000.000	287.447.798	509.447.798
Khấu hao trong năm	-	-	-
Số cuối năm	222.000.000	287.447.798	509.447.798
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	201.089.157.308	206.329.202	201.295.486.510
Số cuối năm	201.089.157.308	206.329.202	201.295.486.510

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	3.323.515.071		-	3.323.515.071
Xây dựng cơ bản dở dang	36.283.749.007		-	51.371.147.654
- Công trình Kè bảo vệ bờ và 2 bến sà lan 500DWT	8.439.332.394		-	8.439.332.394
- Công trình Kho nguyên liệu - cho dây chuyền SX NPK trên nền tảng Ure hóa lỏng	7.771.909.366	63.000.000	-	7.834.909.366
- Công trình Bến tàu 3.000 DWT Bình Điền Long An	6.538.918.427	14.591.107.387	-	21.130.025.814
- Công trình Đầu tư Cải tạo dây chuyền tạo hạt thùng quay	4.888.598.785		-	4.888.598.785
- Công trình mở rộng nhà máy SX NPK tại Long An	3.649.400.909		-	3.649.400.909
- Công trình Khu thực nghiệm nông nghiệp công nghệ cao	2.402.439.931		-	2.402.439.931
- Các công trình khác	2.593.149.195	449.291.260	-	3.042.440.455
Cộng	39.607.264.078	15.103.398.647	-	54.710.662.725

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	-	1.650.000.000
- Công ty TNHH MTV Thể Thao Bình Điền Long An	-	1.650.000.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	159.983.879.171	127.316.500.657
- Công ty Newquest	59.201.800.000	17.013.138.355
- Công ty Cổ phần DAP – VINACHEM	24.788.022.976	21.706.103.140
- Công ty Cổ phần Nông sản Long Hải	54.636.370.395	44.894.193.719
- Công ty Cổ phần ĐT SX TMDV XNK Trung Nam	21.357.685.800	11.249.115.855
- Các nhà cung cấp khác	83.402.301.843	32.453.949.588
Cộng	243.386.181.014	128.966.500.657

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	1.108.123.648	290.928.548
DNTN Hưng Thạnh	436.544.500	-
Các khách hàng khác	671.579.148	290.928.548
Cộng	1.108.123.648	290.928.548

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa		23.082.338		37.836.529
- Thuế nhập khẩu	-	-		408.561.897
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.819.448.667	-		204.697.193
- Thuế thu nhập cá nhân	518.987.463	257.585.860	345.387.174	346.037.957
- Thuế nhà đất, thuế đất	-	-		
- Giá trị quyền sử dụng đất	114.687.620.655		114.687.620.655	
- Thuế, phí, lệ phí, khoản phải nộp khác	-	3.000.000		10.000.000
Cộng	123.026.056.785	283.668.198	115.033.007.829	1.007.133.576

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Mặt hàng phân bón không chịu thuế giá trị gia tăng đầu ra.

Thuế nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Chi cục Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Q1 2016	Q1 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.342.384.500	41.347.951.490
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(10.836.043.200)
Thu nhập chịu thuế	30.342.384.500	30.511.908.290
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	30.342.384.500	30.511.908.290
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	6.068.476.900	6.712.619.824
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	6.068.476.900	6.712.619.824

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

15. Phải trả người lao động

Là quỹ lương còn phải trả người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản trích trước chi phí phù hợp với doanh thu trong năm.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trích trước chi phí chiết khấu	1.600.000.000	28.331.753.000
- Trích trước chi phí khuyến mãi	4.005.400.000	4.676.308.000
- Trích trước hỗ trợ bán hàng	1.400.000.000	20.878.984.222
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.977.537.146	650.933.511
Cộng	<u>8.982.937.146</u>	<u>54.537.978.733</u>

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả ngắn hạn khác	<u>10.880.581.518</u>	<u>10.501.629.649</u>

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**18.a Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.091.318.088.013	1.091.318.088.013	1.288.537.968.814	1.288.537.968.814
- Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Bình Tây ⁽¹⁾	51.924.530.802	51.924.530.802	48.411.658.767	48.411.658.767
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN Tp. HCM ⁽²⁾	284.616.534.511	284.616.534.511	244.995.997.487	244.995.997.487
- Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Tp.HCM ⁽³⁾	2.746.586.900	2.746.586.900	2.746.586.900	2.746.586.900
- Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam ⁽⁴⁾	24.474.291.502	24.474.291.502	56.129.709.552	56.129.709.552
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam ⁽⁵⁾	52.387.523.715	52.387.523.715	72.480.599.715	72.480.599.715
- Ngân hàng TMCP Bru Điện Liên Việt - CN Tp.HCM ⁽⁶⁾	-	-	19.406.250.000	19.406.250.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Hàm Nghi ⁽⁷⁾	93.691.783.980	93.691.783.980	78.337.020.382	78.337.020.382
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Bến Nghé ⁽⁸⁾	96.017.712.655	96.017.712.655	113.344.678.210	113.344.678.210
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Tp.HCM ⁽⁹⁾	335.973.907.560	335.973.907.560	448.501.750.400	448.501.750.400

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Phú Nhuận ⁽¹⁰⁾	65.090.976.423	65.090.976.423	62.690.741.595	62.690.741.595
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ⁽¹¹⁾	29.774.755.830	29.774.755.830	64.529.460.034	64.529.460.034
- Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam – TpHCM ⁽¹²⁾	22.687.329.565	22.687.329.565	44.595.574.400	44.595.574.400
Vay nhân viên công ty ⁽¹³⁾	31.932.154.570	31.932.154.570	32.367.941.372	32.367.941.372
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	3.462.358.964	3.462.358.964	5.076.126.286	5.076.126.286
Cộng	1.094.780.446.977	1.094.780.446.977	1.293.614.095.100	1.293.614.095.100

18.b Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn các bên liên quan	-	-	-	-
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	-	-	-
Nợ thuê tài chính	12.553.778.311	12.553.778.311	12.553.778.311	12.553.778.311
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu ⁽¹⁾	7.308.526.914	7.308.526.914	7.308.526.914	7.308.526.914
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam ⁽²⁾	5.245.251.397	5.245.251.397	5.245.251.397	5.245.251.397
Cộng	12.553.778.311	12.553.778.311	12.553.778.311	12.553.778.311

(1) Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số 12.09.11/HĐTTC-BĐ ngày 20/12/2011 và Hợp đồng số 02.10.14/HĐCTTC-BĐ ngày 02/10/2014 giữa Công ty TNHH MTV Thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Á Châu với Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền.

(2) Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số 2014-00040-000/HĐTTC-BĐ giữa Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam với Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền.

Kỳ hạn thanh toán các khoản nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	12.553.778.311	12.553.778.311
Trên 5 năm	-	-
Cộng	12.553.778.311	12.553.778.311

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	311.837.453	11.157.217.000	(10.763.863.251)	705.191.202
Cộng	311.837.453	11.157.217.000	(10.763.863.251)	705.191.202

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Số cuối kỳ	Tỷ lệ (%)	Số đầu năm
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	65,00	309.660.000.000	65,00	309.660.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	35,00	166.740.000.000	35,00	166.740.000.000
Cộng	100,00	476.400.000.000	100,00	476.400.000.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 476.400.000.000

Vốn điều lệ đã góp: 476.400.000.000

Vốn điều lệ còn phải góp: -**20c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	476.400.000.000	476.400.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	476.400.000.000	476.400.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	(133.392.000.000)

20d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	47.640.000	47.640.000
- Cổ phiếu phổ thông	47.640.000	47.640.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	47.640.000	47.640.000
- Cổ phiếu phổ thông	47.640.000	47.640.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu dùng để bổ sung vốn điều lệ.

**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán
Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	929.835.37	1.930.851,08
Euro (EUR)	83,77	83,77

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Q1_2016</u>	<u>Q1_2015</u>
- Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm và dịch vụ	580.514.671.525	831.759.508.012
Cộng	<u>580.514.671.525</u>	<u>831.759.508.012</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong kỳ Công ty chỉ có phát sinh Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ với các công ty con chi tiết như sau:

	<u>Q1_2016</u>	<u>Q1_2015</u>
- Công ty Cp Bình Điền Mekong	6.535.520.000	10.322.450.000
- Công ty Cp Bình Điền Quảng Trị	27.490.000	23.793.245.150
- Công ty Cp Bình Điền Ninh Bình	4.418.080.000	-
Cộng	<u>10.981.090.000</u>	<u>34.115.695.150</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Q1_2016</u>	<u>Q1_2015</u>
- Chiết khấu thương mại, hàng bán trả lại	1.757.000.000	4.949.797.000
Cộng	<u>1.757.000.000</u>	<u>4.949.797.000</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Q1_2016</u>	<u>Q1_2015</u>
- Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	502.592.033.701	736.270.525.579
- Giá vốn các hoạt động khác	-	-
Cộng	<u>502.592.033.701</u>	<u>736.270.525.579</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Q1_2016</u>	<u>Q1_2015</u>
- Doanh thu hoạt động tài chính	562.231.498	10.803.445.113
Cộng	<u>562.231.498</u>	<u>10.803.445.113</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Q1_2016</u>	<u>Q1_2015</u>
5. Chi phí tài chính		
- Chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá	12.522.456.907	14.676.610.777
Cộng	<u>12.522.456.907</u>	<u>14.676.610.777</u>
6. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân viên, dịch vụ mua ngoài khác	24.515.770.813	37.110.722.581
Cộng	<u>24.515.770.813</u>	<u>37.110.722.581</u>
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý, dịch vụ mua ngoài khác	11.195.609.007	9.347.450.976
Cộng	<u>11.195.609.007</u>	<u>9.347.450.976</u>
8. Thu nhập khác		
- Thu nhập từ bán phế liệu, thu nhập khác	1.851.035.764	1.146.504.744
Cộng	<u>1.851.035.764</u>	<u>1.146.504.744</u>
9. Chi phí khác		
- Chi phí khác	2.683.859	6.399.466
Cộng	<u>2.683.859</u>	<u>6.399.466</u>
10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	524.682.696.312	421.101.696.247
- Chi phí nhân công	15.451.273.100	14.250.707.093
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.028.851.000	5.400.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác	59.058.821.975	75.965.869.058
Cộng	<u>605.221.642.387</u>	<u>516.718.272.398</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	<u>Q1_2016</u>	<u>Q1_2015</u>
1. Tiền thu từ đi vay		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	492.571.942.920.	556.643.532.723
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	
Cộng	<u>492.571.942.920</u>	<u>556.643.532.723</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Q1_2016</u>	<u>Q1_2015</u>
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	689.791.823.721	564.323.834.459
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	<u>689.791.823.721</u>	<u>564.323.834.459</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt()*

	<u>Q1_2016</u>	<u>Q1_2015</u>
Tiền lương, thù lao và thưởng	2.009.855.000	986.000.000
Cộng	<u>2.009.855.000</u>	<u>986.000.000</u>

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Là công ty mẹ (chiếm 65,00%)
- Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Là công ty con
- Công ty Cp Bình Điền Lâm Đồng	Là công ty con
- Công ty Cp Bình Điền Mekong	Là công ty con
- Công ty Cp Bình Điền Quảng Trị	Là công ty con
- Công ty Cp Bình Điền Ninh Bình	Là công ty con

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b.

Số dư với các bên liên quan khác đã được trình bày tại thuyết minh số V.3, V.5a, V.12.

4. Báo cáo bộ phận**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Kinh doanh phân bón;
- Các lĩnh vực khác.

Doanh thu của Công ty phát sinh trong năm chủ yếu là hoạt động kinh doanh phân bón.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀNĐịa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Q1 2016	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	526.176.838.275	52.580.833.250	578.757.671.525
Giá vốn hàng bán	456.930.940.610	45.661.093.091	502.592.033.701
Lợi nhuận gộp	69.245.897.665	6.919.740.159	76.165.637.824
Q1 2015	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	755.532.976.402	71.276.734.610	826.809.711.012
Giá vốn hàng bán	672.798.897.036	63.471.628.543	736.270.525.579
Lợi nhuận gộp	82.734.079.366	7.805.106.067	90.539.185.433

5. Tài sản đảm bảo*Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Công ty không có tài sản thế chấp cho các đơn vị khác cũng như tài sản nhận thế chấp từ các đơn vị khác tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2016.

6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào khác xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo này.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Giải trình biến động lợi nhuận

Chỉ tiêu	Quý 1		
	Năm nay	Năm trước	Tỷ lệ
Lợi nhuận sau thuế	24.273.907.600	34.635.331.666	-29,9%
Tổng cộng	24.273.907.600	34.635.331.666	-29,9%

Lợi nhuận sau thuế của Công ty Q1_2016 giảm 29,9% so với lợi nhuận sau thuế cùng kỳ năm 2015 nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu giảm hơn 30% so với cùng kỳ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



TRẦN NGỌC HÙNG

TRẦN TẤN SƠN

LÊ QUỐC PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 14, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	476.400.000.000	6.746.801.918	51.815.195.884	17.179.200.938	209.034.105.183	761.175.303.923
- Tăng trong năm trước	-	-	30.491.365.906	10.163.788.635	202.904.409.149	243.559.563.690
- Giảm trong năm trước	-	-	-	-	192.374.731.812	192.374.731.812
Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay	476.400.000.000	6.746.801.918	82.306.561.790	27.342.989.573	219.563.782.520	812.360.135.801
- Tăng trong kỳ	-	-	-	-	24.273.907.600	24.273.907.600
+ Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	-	-	-	-	24.273.907.600	24.273.907.600
+ Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
- Giảm trong kỳ	-	-	-	-	11.000.000.000	11.000.000.000
+ Phân phối trong kỳ	-	-	-	-	11.000.000.000	11.000.000.000
Số dư cuối kỳ	476.400.000.000	6.746.801.918	82.306.561.790	27.342.989.573	232.837.690.120	825.634.043.401

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TÂN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2016

Tổng Giám Đốc



LÊ QUỐC PHONG